

Bản án số: 261/2024/ HNGĐ-ST

Ngày: 15/5/2024

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thái Sơn

2. Bà Phan Thị Thu Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 587/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đàm Vĩ H**, sinh năm 1986; Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: **2 B, Phường H, Quận F, TP .**

Địa chỉ cư trú: **Ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.** (Vắng mặt)

- Bị đơn: Ông **Phan Hồng V**, sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú cuối cùng: **A T, Phường A, Quận F, TP .** (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2023, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà **Đàm Vĩ H** trình bày:

Bà **Đàm Vĩ H** và ông **Phan Hồng V** tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013, đăng ký kết hôn ngày 31/05/2013 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 67, quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường A Quận F, TP . cấp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà **2 B, Phường H, Quận F** cùng gia đình bà **H**. Trong năm 2013 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do ông **V** mê cờ bạc, cá độ, đá banh trên mạng, thường xuyên không về nhà, không lo kinh tế gia đình phụ bà **H**. Mặc dù, bà **H** đã khuyên nhiều lần nhưng ông **V** vẫn không thay đổi. Đến cuối năm 2013, ông **V** bỏ nhà **231/86/16 B, Phường H, Quận F** đi, bà **H** đã cố gắng tìm kiếm nhưng không có thông tin gì về ông **V**. Tháng 2 năm 2023, bà đã yêu cầu Tòa án **quận F** tuyên bố ông **V** mất tích theo Quyết định số 147/2023/QĐST-DS ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 6. Nay tình cảm không còn, bà **H** xin ly hôn với ông **V**.

Về con chung: Có 02 con chung gồm trẻ **Phan Mỹ K**, sinh ngày 06/10/2013 và **Phan Văn H1**, sinh ngày 16/02/2017, hiện bà **H** đang nuôi dưỡng. Bà **Đàm Vĩ H** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông **Phan Hồng V** cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

*Bị đơn là ông **Phan Hồng V** vắng mặt tại phiên tòa, không có bản tự khai.*

Tại phiên tòa hôm nay, bà **H** có đơn xin vắng mặt, không có đơn rút yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông **Phan Hồng V**.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Về tố tụng: Quá trình từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Ông **Phan Hồng V** có nơi cư trú cuối cùng tại **Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh**. Nay bà **H** có đơn xin ly hôn ông **V** nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 điều 51 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, bà **Đàm Vĩ H** có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông **Phan Hồng V** vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Đàm Vĩ H** và ông **Phan Hồng V** tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 67, quyền số 01/2013 ngày 31/5/2013 do Ủy ban nhân dân Phường A Quận F, TP. cấp. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau....Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....”; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “...Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng,

Theo bà **H** thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông **V** mê cờ bạc, cá độ, đá banh trên mạng, thường xuyên không về nhà, không lo kinh tế gia đình. Cuối năm 2019, ông **V** bỏ nhà 231/86/16 **B, Phường H, Quận F** đi, bà **H** đã cố gắng tìm

kiểm nhưng không có thông tin gì về ông V. Tháng 2 năm 2023, bà đã yêu cầu Tòa án quận F tuyên bố ông V mất tích theo Quyết định số 147/2023/QĐST-DS ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 6.

Về phía ông Phan Hồng V, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý cho ông V về việc bà H có đơn yêu cầu ly hôn ông V. Tuy nhiên, từ khi nhận thông báo thụ lý đến nay ông V không có văn bản gửi Tòa án về ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà H, cũng không đến Tòa án để tham dự hòa giải mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Cho thấy mối quan hệ giữa ông V và bà H đã không còn gắn bó; vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Ông V mất tích không liên lạc với bà H, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau; ông V không còn tha thiết đến tình cảm vợ chồng, không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng; phía bà Đàm Vĩ H vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu của bà H là thỏa đáng theo Khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà H và ông V có 02 con chung gồm trẻ Phan Mỹ K, sinh ngày 06/10/2013 và trẻ Phan Văn H1, sinh ngày 16/02/2017 hiện do bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Bà Đàm Vĩ H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu ông Phan Hồng V cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi ly thân bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung đến nay và đủ điều kiện về mọi mặt để lo cho con, đồng thời cũng phù hợp nguyện vọng của trẻ muốn ở với bà H. Do vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà H, giao 02 con chung gồm trẻ Phan Mỹ K và trẻ Phan Văn H1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Bà Đàm Vĩ H phải chịu án phí theo quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

TUYÊN XỬ:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **Đàm Vĩ H** đối với ông **Phan Hồng V**.

Giấy chứng nhận kết hôn số 67, quyền số 01/2013 ngày 31/5/2013 do Ủy ban nhân dân Phường A Quận F, TP. cấp cho bà **Đàm Vĩ H** và ông **Phan Hồng V** không còn giá trị pháp lý.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung là trẻ **Phan Mỹ K**, sinh ngày 06/10/2013 và trẻ **Phan Văn H1**, sinh ngày 16/02/2017 cho bà **Đàm Vĩ H** trực tiếp nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Bà **Đàm Vĩ H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông **Phan Hồng V** có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

3/ Về tài sản chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

4/ Về nợ chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Đàm Vĩ H** phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà **H** đã nộp theo biên lai thu số 0038419 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, TP. .

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- UBND Phường 14, Quận 6.
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kim Thương

